TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2023
Về việc: "Xin ly hôn..." .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Bà Phạm Thị Tuyết Mai .

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Trần Trọng Khánh – Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27-10-2022, về việc: "Xin ly hôn, nuôi con chung ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2023; của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn S, sinh năm 1982, có mặt

Địa chỉ: Thôn AH1, xã PA, huyện T, tỉnh Bình Định.

Hiện cư trú: Thôn PM, xã AD, huyện TA, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn Lê Thị Tuyết P, sinh năm 1992,có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn AH1, xã PA, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn anh Nguyễn S trình bày: Giữa anh với chị Lê Thị Tuyết P tự tìm hiểu trong thời gian và tự nguyện kết hôn đầu năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã PA vào ngày 03-6-2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị P hay nói dối chồng về tiền bạc, không có lý do, sau đó vợ chồng cãi nhau và không chung sống với nhau. Từ năm 2020 cho đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau

nữa, vợ anh bỏ vào VT ở và thi thoảng về thăm con gái, còn con trai đang sống cùng anh nhưng vợ anh cũng không hỏi thăm con. Vì vậy nay anh S thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh xin ly hôn chị P. Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên là Nguyễn Như L, sinh ngày 24-3-2013, Nguyễn Thị Như P2, sinh ngày 18-01-2015, hiện cháu L đang ở cùng anh, còn cháu P2 đang ở cùng chị P. Nay ly hôn anh xin nuôi cháu L, cháu P2 giao cho P nuôi, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng anh có tài sản chung là căn nhà ở Thôn AH1, xã PA, anh không yêu cầu giải quyết, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra anh S không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Lê Thị Tuyết P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày như sau. Giữa chị với anh Nguyễn S tự tìm hiểu trong thời gian và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã PA vào ngày 03-6-2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian nhưng sau đó đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S ghen tuông vô cớ, sau đó vợ chồng cãi nhau và chị bỏ đi làm ăn xa, không chung sống với nhau. Từ năm 2020 cho đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Vì vậy anh S xin ly hôn thì chị P đồng ý. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Nguyễn Như L, sinh ngày 24-3-2013, Nguyễn Thị Như P2, sinh ngày 18-01-2015, hiện cháu L đang ở cùng anh S, còn cháu P2 đang ở cùng chị. Nay ly hôn chị xin nuôi cháu P2, giao cháu L cho anh S, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị P không khai và không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của anh S ly hôn với chị P.Về quan hệ nuôi con chung: Đề nghị giao con chung của anh S và chị P tên là Nguyễn Như L, sinh ngày 24-3-2013 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung tên là Nguyễn Thị Như P2, sinh ngày 18-01-2015 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, hiện cháu L đang ở cùng anh S, còn cháu P2 đang ở cùng chị P. Anh S, chị P không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Tòa không xét. Về quan hệ tài sản chung: Anh S, chị P không yêu cầu giải quyết, không có nợ chung nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị Lê Thị Tuyết P cư trú tại Thôn AH1, xã PA, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Bị đơn chị Lê Thị Tuyết P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn S thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa anh Nguyễn S và chị Lê Thị Tuyết P tự tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03-6-2013 tại UBND xã PA, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa anh S và chị P là hợp pháp. Theo anh S, chị P khai trong thời gian sống chung, anh chị thường xuyên mâu thuẫn do vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không còn yêu thương nhau, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2020 cho tới nay, tình cảm vợ chồng không còn nên anh S xin ly hôn thì tại bản khai chị P có đơn xin vắng mặt và đồng ý ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của anh S, chị P và biên bản xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh S, chị P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình cho anh S được ly hôn chị P.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Anh S và chị P có 02 con chung tên Nguyễn Như L, sinh ngày 24-3-2013, Nguyễn Thị Như P2, sinh ngày 18-01-2015. Nay ý kiến của anh S muốn nuôi cháu L, chị P nuôi cháu P2, là phù hợp với nguyện vọng của cháu L và cháu P2 nên giao cháu L cho anh S, giao cháu P2 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng anh S, chị P đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Anh S, chị P không yêu cầu giải quyết, không có nợ chung nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 228 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn S ly hôn chị Lê Thị Tuyết P.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Anh S và chị P có 02 con chung tên Nguyễn Như L, sinh ngày 24-3-2013, Nguyễn Thị Như P2, sinh ngày 18-01-2015. Giao cháu L cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu P2 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, hiện cháu L đang ở cùng anh S, cháu P2 đang ở cùng chị P. Về cấp dưỡng: Tòa không xét. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc Anh S phải chịu 300.000đ về án phí ly hôn sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006452, ngày 27-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 09-02-2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
-Các bên đương sự
-VKSND huyện T
-Chi cục THADS huyện T
-Phòng GĐKT TAND tỉnh Bình Định .
-UBND xã PA
Số 62, ngày 03-6-2013)
-Lưu hồ sơ .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán–Chủ Tọa Phiên Tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền Phạm Thị Tuyết Mai Trần Thị Bích Thủy